TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Giềng và ông Huỳnh Kim Thành.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thùy An – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 28/3/1989;

Căn cước công dân số 094089014779;

Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Ánh M**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh An Giang.

(Ông H có mặt, bà M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Ông và bà Phạm Thị Ánh M tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, làm

cho hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ năm 2018 ông và bà M đã sống ly thân cho đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày 03/7/2015; Nguyễn Ngọc Mai X, sinh ngày 12/12/2017. Hiện hai con chung đang sống với bà M. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu bà M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng cho hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (tức mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng). Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 11/6/2026 cho đến khi cháu B, cháu X đã thành niên và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

**** Đối với bị đơn bà Phạm Thị Ánh M*:**

Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời triệu tập bà M tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn ông H có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà M vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa**:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, cho ông H được ly hôn với bà M; về con chung, giao con chung tên Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày 03/7/2015 và Nguyễn Ngọc Mai X, sinh ngày 12/12/2017 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng cho hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (tức mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng); về tài sản chung, nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét; buộc ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại xã C, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông H, bà M là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 2015. Trong quá trình chung sống, hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà M. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa ông H, bà M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, cho ông H được ly hôn với bà M là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày 03/7/2015 và Nguyễn Ngọc Mai X, sinh ngày 12/12/2017. Hiện hai con chung đang sống với bà M. Xét thấy, từ năm 2018 đến nay cháu B, cháu X sống với bà M, để ổn định cuộc sống cho các cháu và cũng theo nguyện vọng của cháu B, cháu X muốn được sống với bà M; Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu B, cháu X cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng cho hai con chung tên Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày 03/7/2015 và Nguyễn Ngọc Mai X, sinh ngày 12/12/2017 mỗi tháng 3.000.000 đồng (tức mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng). Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 11/6/2026 cho đến khi cháu B, cháu X đã thành niên và có khả năng lao động được.

[3.4] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Ông H xác định, ông và bà M không có nợ chung; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phạm Thị Ánh M.

2. *Về nuôi con chung*: Bà Phạm Thị Ánh M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày 03/7/2015 và Nguyễn Ngọc Mai X, sinh ngày 12/12/2017. Hiện bà M đang nuôi hai con chung.

Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về cấp dưỡng cho con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng cho hai con chung tên Nguyễn Thị Hải B, sinh ngày 03/7/2015 và Nguyễn Ngọc Mai X, sinh ngày 12/12/2017 mỗi tháng 3.000.000 đồng (tức mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng). Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 11/6/2026 cho đến khi cháu B, cháu X đã thành niên và có khả năng lao động được.

4. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 303189 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, ông H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng.

5. *Về quyền kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Ánh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Cần Đăng;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi